

Lạm Phát Và Tăng Trưởng Kinh Tế Năm 2011 Tại Việt Nam:

KINH NGHIỆM TỪ CÁC NƯỚC

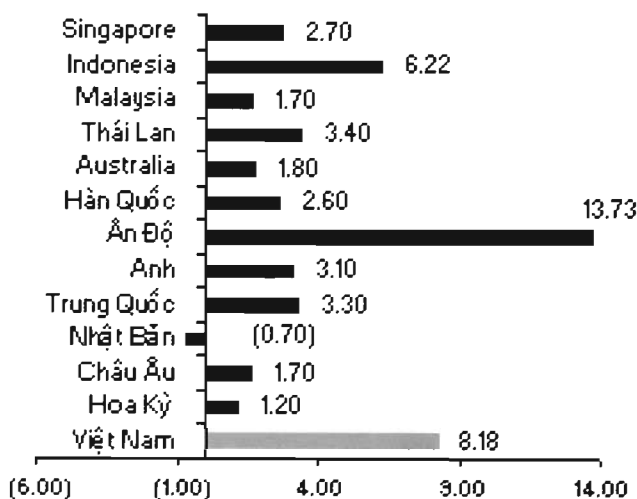
ThS. Bùi Quang Tín

Tại phiên họp ngày 8/11/2010, với tỷ lệ 84,58% phiếu thuận, Quốc hội đã thông qua nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2011, với các chỉ tiêu về GDP tăng 7-7,5%, lạm phát tăng không quá 7%, nhập siêu không vượt quá 17% kim ngạch xuất khẩu và một số chỉ tiêu khác. Đây là những chỉ tiêu phấn đấu không dễ đạt được tuy những chỉ tiêu này phần lớn là do Chính phủ đề xuất. Trong bài viết này tác giả tập trung phân tích kinh nghiệm các nước trong kiềm chế lạm phát, giữ vững tăng trưởng kinh tế và áp dụng cho Việt Nam trong việc giải các bài toán lạm phát cao, nhập siêu suốt nhiều năm, đầu tư công kém hiệu quả, lãi suất và tỷ giá.

Việt Nam chưa hội nhập sâu rộng với thế giới và trong nội tại nền kinh tế đất nước còn rất nhiều khó khăn và bất cập. Những vấn đề nổi cộm đã tồn tại từ nhiều năm nay vẫn chưa có liều thuốc phù hợp và thỏa đáng: lạm phát cao (trong nhóm những nước cao nhất thế giới Bảng 1), nhập siêu trầm trọng và kéo dài gần 20 năm mà vẫn chưa có hướng giải quyết (Bảng 2), thị trường tồn tại hai tỷ giá VND/USD, bội chi ngân sách cao và đầu tư công thiếu hiệu quả gần 40% so với GDP), dự trữ ngoại hối thấp, cung cầu ngoại hối mất cân đối. Chính điều này tạo cho tỷ giá VND/USD luôn trong tình trạng tăng giá, gia tăng tình trạng ghim giữ USD đối với cá nhân cũng như các tổ chức xuất khẩu và làm cho tình trạng đô la hóa nền kinh tế càng trở nên trầm trọng, chính sách tài khóa năm 2010 thiếu hiệu quả nên chuyển hầu hết gánh nặng ổn định kinh tế vĩ mô cho chính sách tiền tệ (CSTT) do Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thực hiện.

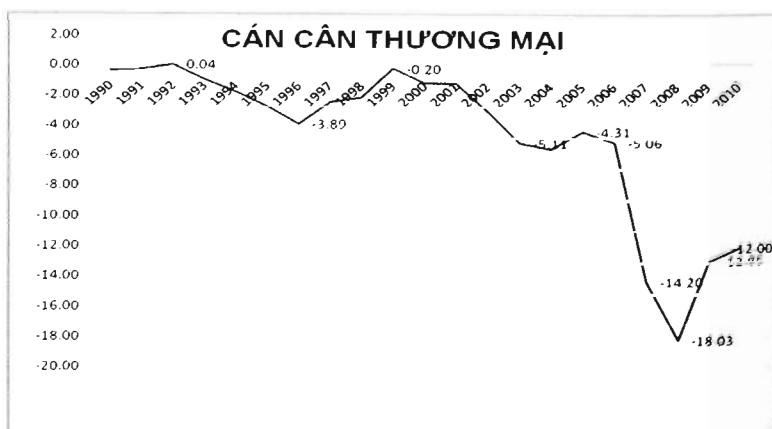
Các khó khăn về tình hình kinh tế nước ta trong năm 2010 cho thấy rằng vẫn còn nhiều thách thức đang chờ đợi chúng ta trong việc điều hành CSTT và tài khóa nhằm ổn định kinh tế vĩ mô cho năm 2011. Để tìm ra

Bảng 1: So sánh tỷ lệ lạm phát Việt Nam và các nước trên thế giới năm 2010



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ www.tradingeconomics.com

Bảng 2: Tình hình thâm hụt cán cân thương mại ở Việt Nam từ 1990 - 2010.



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ www.gso.gov.vn.



giải pháp hiệu quả ứng dụng tại Việt Nam, bên cạnh việc nhìn nhận lại các vấn đề còn tồn đọng trong nước, chúng ta cần quan sát và tìm hiểu các nước trên thế giới đang làm gì trong công cuộc chống lại sự phát triển trì trệ của nền kinh tế ở các nước châu Âu và các nước phương Tây (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức) cũng như tình trạng lạm phát cao ở các nước châu Á (điển hình như Trung Quốc).

Điển hình cho các nước châu Âu và phương Tây, tại Mỹ, các nhà điều hành chính sách phải đang đối phó với sự phát triển trì trệ của nền kinh tế (GDP tăng trưởng 2,5%), tỷ lệ thất nghiệp cao (9,6%), lạm phát thấp (2,2%). Do đó nhiệm vụ chính của Ngân hàng Trung ương Mỹ (FED) là phải chống suy thoái trong khi phải kiểm soát tốt tình hình lạm phát. Các công cụ chủ yếu của FED hiện nay là tỷ lệ lãi suất cơ bản, tỷ lệ dự trữ bắt buộc, lãi suất dự trữ bắt buộc và tỷ lệ chiết khấu. Tuy FED có rất nhiều công cụ trong tay để điều hành CSTT, các nhà

hoạch định chính sách vẫn cho rằng giải pháp quan trọng nhất trong chống lạm phát là luôn tạo cho dân chúng một niềm tin vững chắc vào những gì Chính phủ đang thực hiện trong việc bình ổn giá cả và ổn định kinh



tế vĩ mô, công khai thông tin để dân biết và dân kiểm tra những gì mà Chính phủ đang thực hiện. Nước Mỹ đã phải chống trả những đợt "triều cường" lạm phát từ những năm đầu của thế kỷ 19. Trong những năm gần đây, cuộc suy thoái kinh tế năm 2001, FED đã giảm lãi suất cơ bản xuống rất thấp (0,25%). Đến năm 2004, nền kinh tế lại phát triển trở lại với tỷ lệ lạm phát cao (3,1% trong khi lãi suất cơ bản là 1,25%), FED đã tăng lãi suất cơ bản và công khai mọi kế hoạch trong chính sách chống lạm phát của mình nhằm tạo niềm tin cho các nhà đầu tư riêng lẻ và tổ chức. Bên cạnh công cụ lãi suất cơ bản, các nhà hoạch định chính sách còn sử dụng độ lệch giữa lãi suất cơ bản và lãi suất mà FED trả cho các khoản dự trữ bắt buộc. Khi nền kinh tế đang phát triển ở mức cao và có tỷ lệ lạm phát cao, thì FED kéo ngắn khoảng cách giữa lãi suất cơ bản và lãi suất trả cho các khoản dự trữ bắt buộc hay khoảng cách này bằng 0 nhằm giúp giảm lượng thanh khoản USD trên thị trường. Ngược lại, họ sẽ kéo giãn khoảng cách giữa hai lãi suất trên ra hay cho lãi suất trả cho các khoản dự trữ bắt buộc về 0, nhằm tăng tối đa lượng cung tiền ra thị trường. Một cách khác là FED sẽ in thêm tiền, như trong đợt nói lỏng tiền tệ lần 1 (QE1-Quantitative Easing) với 787 tỷ USD và đang thực hiện QE2 với dự kiến hàng tháng bắt đầu từ tháng 12/2010 mua vào 75 tỷ trái phiếu Chính phủ.

Nhìn sang Trung Quốc, nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng rất cao qua nhiều năm. Năm 2007, kinh tế Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 13 năm lên mức 11,4%, đẩy lạm phát nước này lên cao nhất trong vòng 11 năm 4,8%. Chỉ trong vòng 10 tháng năm 2010, lạm phát đã đẩy lên 3%,

cao hơn cùng kỳ năm 2009. Chính vì lẽ đó, chính quyền Trung Quốc đã ra một tối hậu thư ngày 20/11/2010 gồm 16 điều Yiping Huang (2010) với mục đích bình ổn giá. Hầu như tất cả 16 điều này đều là những biện pháp hành chính gắn với sự quản lý và can thiệp trực tiếp của nhà nước như những năm 1980-1985 có lạm phát khoảng 10% của nước này, tiếp sau đó là các năm 1980 - 1985, 1994, 2007. Điểm nổi bật trong chính sách này là không có một nội dung nào nhắc đến sự can thiệp thị trường bằng CSTT. Tuy nhiên, ngày 27/11/2010, Ngân hàng Trung ương (NHTW) Trung Quốc đã tăng dự trữ bắt buộc (từ 17,5% lên 18% áp dụng cho ngân hàng lớn) và sau đó là tăng tỷ lệ lãi suất cơ bản (từ 5,56% lên 5,81%) nhưng vẫn không tác động đáng kể. Về lý thuyết, theo nhiều chuyên gia đánh giá là có ba công cụ trong CSTT được cho là quan trọng nhất: lãi suất, tỷ giá hối đoái và tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Trong chính sách tỷ giá của mình, Trung Quốc cho rằng không thể tăng giá CNY để chống lạm phát vì nếu tăng giá CNY sẽ tạo ra khó khăn cho các nhà xuất khẩu Trung Quốc trong tình hình kinh tế thế giới còn rất trì trệ như hiện nay. Còn tăng lãi suất cơ bản thì các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc không cho đó là ưu tiên hàng đầu trong các công cụ lựa chọn chống lạm phát, bởi việc tăng lãi suất sẽ tạo ra hai khó khăn cơ bản cho nền kinh tế Trung Quốc: thứ nhất một lượng tiền lớn từ nước ngoài sẽ vào Trung Quốc để đầu tư hưởng chênh lệch lãi suất và thứ hai là gia tăng khoản tiền lãi phải trả cho các khoản tín dụng trong nước đã áp dụng trong thời kỳ bùng nổ tín dụng vừa qua. Do đó chỉ còn lại một công cụ trong điều hành CSTT là tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Tuy nhiên trên thực tế trong năm 2010, NHTW Trung

Quốc đã sáu lần nâng tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhưng vẫn không tạo ra nhiều chuyển biến trong việc chống lạm phát. Trên thực tế, các ngân hàng thương mại (NHTM) không hạch toán các khoản tín dụng vào bảng cân đối kế toán nội bảng mà đã hạch toán các khoản tín dụng đó thành các khoản đầu tư ngoại bảng. Với cách thức này, NHTW Trung Quốc không thể kiểm soát hết hạn mức trong năm 2010 với chỉ tiêu dưới 1.100 tỷ USD, do đó nền kinh tế Trung Quốc đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc chống lạm phát. Cho nên, trong ba công cụ quan trọng trên, việc tăng giá CNY và tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc không phải là sự lựa chọn tối ưu cho một nền kinh tế có sự tăng trưởng chủ yếu dựa vào sự tăng trưởng bong bóng của bất động sản và xuất khẩu. Vì thế, các chuyên gia cho rằng sự quay lại với chính sách điều chỉnh lãi suất là hiện thực khả thi nhất hiện nay. Giáo sư Liw

Wei cho rằng, nguyên nhân gây lạm phát ở Trung Quốc bắt nguồn từ dư thừa thanh khoản do chính sách nới lỏng tiền tệ trong một thời gian dài từ năm 2008 đến nay. Nếu số tiền đó đưa vào sản xuất thì sẽ giúp kinh tế tăng trưởng tốt với lạm phát có thể chấp nhận được, ngược lại đưa vào lĩnh vực phi sản xuất như bất động sản, đầu tư các sản phẩm phái sinh thì sẽ làm cho nền kinh tế phát triển không lành mạnh, tạo ra lạm phát rất khó chữa và một nền kinh tế phát triển bong bóng. Với tình hình tăng trưởng kinh tế và lạm phát cao, NHTW Trung Quốc từ ngày 3/12/2010 đã chính thức tuyên bố chấm dứt CSTT nới lỏng và bắt đầu một CSTT thận trọng. Trong tình hình như vừa đề cập ở trên, các nhà hoạch định chính sách trong tháng 12/2010 đã thực hiện hàng loạt các chính sách nhằm kiểm chế lạm phát và giữ vững tăng trưởng kinh tế, sau khi





lời giải cho bài toán lạm phát, cũng từ đó đóng góp một phần cho việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững cho Việt Nam năm 2011.

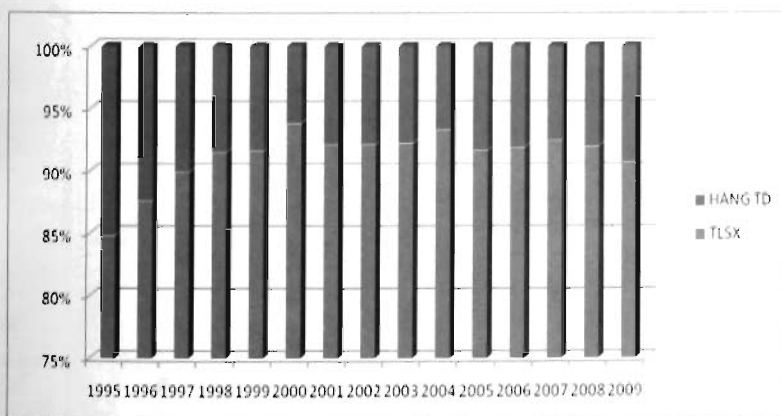
Trước hết và nổi cộm hiện nay ở nước ta vẫn là vấn đề nhập siêu. Chúng ta cứ loay hoay tìm các “miếng vữa” cho bài toán giảm nhập khẩu, tăng xuất khẩu rồi tiến đến cân bằng cán cân thương mại và xuất siêu. Suốt nhiều năm qua, Bộ Công Thương đã và đang tiến hành nhiều giải pháp siết chặt tiêu dùng nhằm hạn chế nhập khẩu. Những mặt hàng thuộc diện xa xỉ như ô tô nguyên chiếc dưới chín chỗ, xe máy, nước hoa, mỹ phẩm, rượu ngoại... đều đã bị áp dụng các biện pháp hạn chế nhập khẩu. Nhưng các “chiêu thức” này thời gian qua đã không phát huy tác dụng ngăn đà nhập siêu. Nhập siêu có xu hướng tăng lên, bởi các biện pháp để giảm nhập siêu trên chỉ nhắm vào các mặt hàng tiêu dùng trong khi nhóm này có tỷ trọng rất thấp trong tổng kim ngạch nhập khẩu khoảng 10% (Bảng 3). Trong khi đó, phần lớn mặt hàng nhập khẩu của chúng ta qua các năm đều thuộc nhóm tư liệu sản xuất trên 80%, chủ yếu tập trung vào nhập khẩu nguyên, nhiên, vật liệu chiếm trên 60%; còn máy móc, thiết bị, phụ tùng chiếm tỷ trọng gần 20%; mà đây lại là nhóm là đầu vào chủ yếu của đầu ra xuất khẩu. Muốn giảm nhập siêu thì phải tăng xuất khẩu, còn muốn tăng xuất khẩu thì phải tăng nhập khẩu. Đây chính là một vòng luẩn quẩn mà nhiều năm nay chúng ta vẫn chưa có lối thoát để cứu vãn thâm hụt cán cân thương mại. Điển hình cho câu chuyện này là ở ngành dệt may và ngành da giày ở nước ta hiện nay. Trong hai tháng đầu năm 2010 để xuất khẩu được 1.46

đưa ra chỉ thị hành chính “16 điều” trong tháng 11/2010 đã không mấy phát huy hiệu quả.

Quay trở lại Việt Nam, từ kinh nghiệm kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng ở các nước như nêu trên thì đâu sẽ là giải pháp khả thi nhất để giải những vấn đề đặt ra ở đầu bài viết. Để giải quyết bài toán lạm phát,

hẳn nhiên chúng ta phải tập trung tìm đáp án cho bài toán nhập siêu, đầu tư công, chi tiêu Chính phủ, tỷ giá và lãi suất. Còn giải quyết bài toán thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, chắc chắn chúng ta phải giải quyết cho được bài toán lạm phát và các chính sách kinh tế, an sinh xã hội khác. Trong phạm vi bài viết này, tác giả mong muốn tìm

Bảng 3: Tổng kim ngạch nhập khẩu phân chia theo hai nhóm chính



Nguồn: Tác giả tổng hợp số liệu từ www.gso.gov.vn.

tỷ ngành dệt may phải nhập 991 triệu USD bông, vải, sợi, nguyên phụ liệu, chiếm gần 70% trong kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may; tình hình cũng tương tự đối với các ngành xuất khẩu mũi nhọn như da giày, nông, lâm, thủy sản. Chúng ta phải xác nhận rằng đây là vấn đề thuộc về cơ cấu kinh tế và đã làm cho nhập siêu ở Việt Nam tăng suốt 20 năm qua. Từ năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các Bộ ngành lên danh mục hàng máy móc trong nước sản xuất được, kiểm soát nhập khẩu vật tư máy móc thiết bị nhưng trên thực tế chúng ta chưa kiểm soát một cách hiệu quả. Nhiều bộ phận máy móc của ngành công nghiệp nặng và một số nguyên liệu ngành giấy, hóa chất trong nước đã sản xuất được nhưng vẫn cho nhập ồ ạt, đặc biệt là từ Trung Quốc. Do đó để hạn chế việc nhập nguyên phụ liệu ồ ạt như hiện nay đáp ứng cho nhu cầu xuất khẩu của các ngành nghề trong nước, nhất định chúng ta phải có quy hoạch và phát triển ngành công nghiệp phụ trợ nhằm chủ động nguồn nguyên phụ liệu một cách bài bản và rất cần sự quyết tâm, hỗ trợ từ phía Chính phủ. Hiện chúng ta có ba lĩnh vực chủ yếu trong ngành công nghiệp phụ trợ: lắp ráp, dệt may, đúc nhựa đang hoạt động, tuy nhiên số lượng và chất lượng của các linh kiện, nguyên phụ liệu này rất ít và kém so với các nước trong khu vực như Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan, Singapore.

Bên cạnh việc phải giảm thâm hụt cán cân thương mại, lãi suất và tỷ giá là những yếu tố nếu không quản lý và điều hành tốt sẽ rất khó giảm lạm phát. Rút kinh nghiệm về kiểm soát lạm phát tại Mỹ và Trung Quốc, nhằm kéo lạm phát ở Việt Nam trong những tháng đầu năm 2011, các nhà hoạch định chính sách nên cân nhắc đến

công cụ lãi suất. Tại Mỹ, các nhà hoạch định không ngần ngại duy trì lãi suất thấp từ 0,25%, mặc cho lạm phát ở mức cao khoảng 2,5%. Đây là mức lãi suất thực âm, còn việc tạo thanh khoản trên thị trường thì trong thời gian qua FED đã cho ra đời gói kích cầu 2 dự kiến khoảng 600 tỷ USD. Tại Trung Quốc, NHTW dự kiến sẽ tiếp tục tăng lãi suất cơ bản lên nhằm giảm thanh khoản trên thị trường. Còn tại Việt Nam, tác giả nghĩ rằng việc duy trì lãi suất thực dương là một khuynh hướng tốt và đúng đắn, vì sẽ giúp các ngân hàng tiếp tục duy trì các kênh huy động truyền thống của mình, đảm bảo thanh khoản ổn định cho tín dụng và đảm bảo nguồn lợi nhuận bền vững cho hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên với mục tiêu do Chính phủ phấn đấu và Quốc hội phê duyệt: GDP năm nay từ 7-7,5% và duy trì lạm phát ở mức dưới 7%, thì việc duy trì lãi suất thực dương cần phải xem xét lại trong điều kiện hiện nay. Điều hành lãi suất không cứng nhắc là phải tăng hay giảm theo chỉ số của CPI. Công cụ lãi suất phải phối hợp đồng bộ với nhiều chính sách khác của nhà nước kể cả các chính sách tài khóa, CSTT và các biện pháp điều hành vĩ mô khác. Điều quan trọng hàng đầu là công cụ lãi suất cần được sử dụng linh hoạt và các nhà hoạch định cần tạo ra cho thị trường những tín hiệu đúng với những gì NHNN dự kiến sẽ thực hiện và tạo ra niềm tin cho nhân dân về những nỗ lực bình ổn giá, chú trọng đến ổn định vĩ mô nền kinh tế. Tác giả nghĩ rằng, NHNN cần điều hành CSTT "bảo thủ", nhanh chóng hơn nữa và quan trọng hơn là phải có sự độc lập nhất định trong các quyết sách của mình tuy chúng ta vẫn biết NHNN còn có các sứ mệnh chính trị của mình.

Đối với công cụ tỷ giá, NHNN đã thực thi lộ trình linh hoạt

tỷ giá từ năm 2004 qua nhiều bước. Trước hết là bãi bỏ các trần cố định về tỷ giá kỳ hạn để thay bằng chênh lệch lãi suất (tháng 5-2004); tiếp đến là thừa nhận tính tự do chuyển đổi của các ngoại tệ mạnh, cho phép chuyển đổi giữa các ngoại tệ không cần chứng từ, chính thức áp dụng quyền chọn ngoại tệ (tháng 11-2004). Các NHTM tiến hành thí điểm quyền chọn USD và tiền đồng trong điều kiện được tự do thỏa thuận phí quyền chọn (tháng 6-2005). Bỏ biên độ giao dịch USD tiền mặt, cho thí điểm cơ chế mua bán ngoại tệ mặt theo giá thỏa thuận (tháng 7-2006). Những bước đi này có dụng ý để thị trường tự điều chỉnh tỷ giá cho đến khi Việt Nam có thể áp dụng cơ chế tỷ giá thả nổi hoàn toàn. Tuy nhiên trong một thời gian dài từ năm 2006 đến nay,





lạm phát là những chính sách cần ưu tiên trong ổn định vĩ mô nền kinh tế.

Bên cạnh đó, việc tác động tới kỳ vọng của thị trường thông qua từng bước điều chỉnh tỷ giá VND/USD sẽ đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc cân đối lại cấu trúc danh mục nắm giữ tiền của người dân và doanh nghiệp. Việc lấy lại niềm tin cho NHNN và nhờ đó lấy lại hiệu lực cho chính sách vĩ mô của Chính phủ, là điều mà Chính phủ phải đạt được để có thể đưa nền kinh tế vượt qua những thách thức hiện nay. Để làm được điều này, một thái độ thực sự cầu thị, một hệ thống chính sách đúng đắn, nhất quán và một cơ chế giao tiếp thông tin chính xác, kịp thời với người dân, với thị trường là những điều kiện tiên quyết. ■

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đại Lai (2010), *Khả năng kim giữ chỉ số giá tiêu dùng năm 2010*, *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, số 57, tháng 12/2010.
2. Nguyễn Thị Hiền (2010), *Phân tích thâm hụt cán cân thương mại của Việt Nam giai đoạn hiện nay*, *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, số 57, tháng 12/2010.
3. Hall, Robert (2002), "Controlling the Price Level", *Contributions to Macroeconomics, Volume 2, Issue 1 2002 Article 5*.
4. Hall, Robert (1983), "Optimal Fiduciary Monetary Systems" *Journal of Monetary Economics*.
5. Taylor, John B (2009), "Monetary Policy and the Resent Extraordinary Measures Taken by the Federal Reserve", *Testimony before the Committee on Financial Services, US House of Representatives, February 26, 2009*.
6. Yiping Huang (2010), *China's inflation control strategy back to the future*, <http://www.eastasiaforum.org/2010/11/28/chinas-inflation-control-strategy-back-to-the-future/>

việc điều hành chính sách tỷ giá ở nước ta vẫn để lại những bất cập thể hiện qua việc định giá VND cao hơn so với USD đã làm cho sức cạnh tranh của hàng hóa của ta ở nước ngoài kém, gia tăng chi phí cho hàng hóa nhập khẩu và chính điều này làm gia tăng lạm phát chi phí đẩy. Mặt khác, việc định giá cao này sẽ làm tình hình cán cân thanh toán ở nước ta ngày càng thâm hụt nặng và dự trữ ngoại hối của ta giảm dần. Chúng ta không thể theo chính sách định giá cao CNY của Trung Quốc được vì họ có thặng dư cán cân thương mại lớn và dự trữ ngoại hối gấp hơn 100 lần so với nước ta.

Nói tóm lại, trong bối cảnh hiện nay để kiểm soát lạm phát và phát triển bền vững nền kinh tế, CSTT, tài khóa nói riêng và chính sách vĩ mô nói chung cần hết sức thận trọng. Chính

sách cần thiết trong giai đoạn sắp tới là thắt chặt CSTT có điều tiết trong sự đồng nhất với chính sách tài khóa (quản lý đầu tư công hiệu quả, cắt giảm chi tiêu Chính phủ không hợp lý, có chính sách thuế phù hợp). Một số chính sách gần đây của NHNN như giảm giá VND hai lần trong năm 2010 vào tháng 2 và tháng 8 (tổng cộng 5,09%) và sau đó là ghim giữ tỷ giá, tăng lãi suất qua đêm liên ngân hàng và lãi suất cơ bản là một sự chuyển hướng đúng đắn. Hơn nữa, chúng ta cần nhận thức rằng việc thay đổi tỷ giá VND/USD chỉ có tác dụng nhất thời và ngắn hạn trong điều tiết cung cầu ngoại tệ của thị trường. Trong dài hạn, việc giảm nhập siêu bằng việc thay đổi cơ cấu kinh tế và phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, đồng thời điều hành lãi suất linh hoạt kết hợp tăng trưởng kinh tế và kiểm chế

